

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 22/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 08 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Đồng Nai
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi là Quy hoạch) với các nội dung chủ yếu sau:

I. PHẠM VI QUY HOẠCH

Phạm vi lập quy hoạch: Diện tích lưu vực sông Đồng Nai thuộc địa giới hành chính Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh: Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Đắk Nông, Lâm Đồng (không kể phần diện tích thuộc tỉnh Long An được đưa vào Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cửu Long) và phần diện tích các tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận là vùng nhận chuyển nước từ lưu vực sông Đồng Nai (sau đây gọi chung là vùng quy hoạch)

và được phân chia thành 06 tiểu vùng quy hoạch, gồm: thượng lưu sông Đồng Nai; hạ lưu sông Đồng Nai; sông Sài Gòn - thượng Vàm Cỏ; sông Bé; sông La Ngà và phụ cận ven biển, cụ thể tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

II. QUAN ĐIỂM

1. Tài nguyên nước được quản lý tổng hợp theo lưu vực sông, thống nhất về số lượng, chất lượng, giữa nước mặt và nước dưới đất, giữa thượng lưu và hạ lưu, liên vùng và giữa các địa phương trên cùng lưu vực, bảo đảm phù hợp với Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, các quy định của điều ước quốc tế, hợp tác song phương mà Việt Nam tham gia.

2. Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông được xây dựng trên cơ sở lấy tài nguyên nước là yếu tố cốt lõi, xác định biến đổi khí hậu và nước biển dâng là xu thế tất yếu phải sống chung và chủ động thích ứng; gắn kết hiện trạng, định hướng sử dụng tài nguyên nước với tài nguyên đất, cơ cấu sử dụng đất và các tài nguyên thiên nhiên khác. Làm cơ sở xây dựng các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của vùng, địa phương và các ngành, lĩnh vực có khai thác, sử dụng nước trên lưu vực để bảo đảm đồng bộ, thống nhất giữa các quy hoạch của các ngành có khai thác, sử dụng nước trên lưu vực sông.

3. Tích trữ, điều hòa, phân phối nguồn nước linh hoạt, tôn trọng quy luật tự nhiên, phù hợp với khả năng của nguồn nước. Sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, đa mục tiêu, nâng cao giá trị sử dụng nước, bảo đảm an ninh nguồn nước và thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo đảm việc khai thác, sử dụng hợp lý, chia sẻ hài hòa nguồn nước giữa các ngành, các địa phương trên lưu vực và một số địa phương khó khăn về nguồn nước khu vực duyên hải Nam Trung Bộ (Ninh Thuận và Bình Thuận).

4. Bảo vệ tài nguyên nước trên cơ sở bảo vệ chức năng nguồn nước đáp ứng chất lượng nước cho các mục đích sử dụng, bảo vệ nguồn sinh thủy, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội trên lưu vực sông.

5. Phòng, chống, khắc phục hậu quả, tác hại do nước gây ra với phương châm chủ động phòng ngừa là chính để giảm thiểu tối đa tổn thất, ổn định an sinh xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Bảo đảm an ninh nguồn nước trên lưu vực sông và toàn vùng quy hoạch; tích trữ, điều hòa, phân phối tài nguyên nước một cách công bằng, hợp lý, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn nước gắn với bảo vệ, phát triển bền vững tài nguyên nước nhằm đáp ứng nhu cầu nước cho dân sinh, phát triển kinh tế

- xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, bảo tồn hệ sinh thái, thảm phủ thực vật và đa dạng sinh học. Bảo vệ tài nguyên nước, phòng chống suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước và tác hại do nước gây ra, có lộ trình phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm, đáp ứng yêu cầu quản lý tổng hợp tài nguyên nước theo lưu vực sông và thích ứng với biến đổi khí hậu. Từng bước thực hiện mục tiêu chuyển đổi số quốc gia trên cơ sở xây dựng, vận hành hệ thống thông tin, dữ liệu tài nguyên nước, bảo đảm kết nối với hệ thống thông tin tài nguyên môi trường và các ngành có khai thác, sử dụng nước.

2. Mục tiêu đến năm 2030

a) Tích trữ, điều hòa, phân phối nguồn nước hợp lý bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các địa phương, các tiểu vùng quy hoạch, nhất là tiểu vùng hạ lưu sông Đồng Nai và các đối tượng sử dụng nước trên lưu vực; khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả nhằm nâng cao giá trị kinh tế của tài nguyên nước, bảo đảm an ninh nguồn nước, thích ứng với biến đổi khí hậu và phù hợp với các điều ước quốc tế liên quan đến tài nguyên nước mà Việt Nam đã tham gia;

b) Bảo vệ nguồn nước mặt, nước dưới đất, bảo vệ chức năng nguồn nước, hành lang bảo vệ nguồn nước, nguồn sinh thủy, các nguồn nước có chức năng điều hòa (sông, hồ, ao, kênh, rạch,...), các nguồn nước có giá trị cao về đa dạng sinh học, lịch sử, văn hóa, tín ngưỡng, nhằm từng bước bảo đảm số lượng, chất lượng nước đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời kiểm soát được hoạt động xả nước thải vào nguồn nước từ hoạt động sản xuất và nước thải sinh hoạt không ảnh hưởng đến chức năng nguồn nước;

c) Bảo đảm lưu thông dòng chảy, phòng, chống sạt lở bờ, bãi sông, giảm thiểu tác hại do nước gây ra, phòng, chống sụt, lún mặt đất;

d) Từng bước phục hồi nguồn nước mặt bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nghiêm trọng, ưu tiên đối với các khu vực trọng điểm phát triển kinh tế - xã hội; phục hồi mực nước dưới đất tại các khu vực bị suy giảm quá mức;

đ) Quản lý, vận hành hệ thống thông tin, dữ liệu tài nguyên nước bảo đảm kết nối, chia sẻ với hệ thống cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên môi trường, kết hợp hệ thống công cụ hỗ trợ ra quyết định để đánh giá nguồn nước trên lưu vực, giám sát thực hiện quy hoạch, nhằm hỗ trợ điều hòa, phân phối tài nguyên nước trong vùng quy hoạch.

e) Phần đầu đạt được một số chỉ tiêu cơ bản của Quy hoạch, gồm:

- 100% các nguồn nước liên tỉnh được công bố khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải;

- 80% công trình khai thác, sử dụng nước được giám sát vận hành và kết nối hệ thống theo quy định;

- 70% hồ, ao, kênh, rạch có chức năng điều hòa, có giá trị cao về đa dạng sinh học, lịch sử, văn hóa, tín ngưỡng không được san lấp được công bố và quản lý, bảo vệ;

- Hoàn thành việc lập và công bố hành lang bảo vệ nguồn nước, đảm bảo lưu thông dòng chảy, phòng chống sạt lở bờ, bãi sông, giảm thiểu tác hại do nước gây ra;

- 100% khu công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật theo quy định trước khi xả vào nguồn nước;

- 40% đến 45% lượng nước thải tại các đô thị từ loại II trở lên và 25% đến 30% lượng nước thải tại các đô thị từ loại V trở lên được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật theo quy định trước khi xả vào nguồn nước.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

a) Duy trì, phát triển tài nguyên nước, điều hòa, phân phối nguồn nước bảo đảm an ninh nguồn nước, thích ứng với biến đổi khí hậu và phù hợp với các điều ước quốc tế, hợp tác song phương, đa phương liên quan đến tài nguyên nước mà Việt Nam đã tham gia;

b) Tăng cường bảo vệ tài nguyên nước, bảo đảm số lượng, chất lượng nước đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và giảm thiểu tác hại do nước gây ra. Hoạt động quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước được thực hiện theo phương thức trực tuyến trên cơ sở quản trị thông minh;

c) Phục hồi các khu vực bị suy giảm mực nước dưới đất quá mức, các dòng sông, kênh, rạch bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nghiêm trọng; phòng, chống sạt, lở bờ sông, kênh, rạch có hiệu quả, kiểm soát được cao độ đáy sông, hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông; bố trí lại dân cư ven sông và các biện pháp khác để từng bước nâng cao giá trị cảnh quan ven sông;

d) Kiểm soát được ngập úng do triều cường, do mưa, lũ thông qua các biện pháp phi công trình, công trình trữ nước tại vùng ngập, vùng trũng;

đ) Bổ sung và nâng cao một số chỉ tiêu của quy hoạch, quản lý tổng hợp tài nguyên nước phù hợp với giai đoạn phát triển của quốc gia, ngang bằng với các quốc gia phát triển trong khu vực; bảo đảm an ninh nguồn nước, nâng cao giá trị sử dụng nước phù hợp với xu hướng phát triển chung của thế giới.

IV. NỘI DUNG QUY HOẠCH

1. Chức năng nguồn nước

a) Các nguồn nước trong vùng quy hoạch có một hoặc nhiều chức năng cơ bản sau đây: cấp nước cho sinh hoạt, kinh doanh, dịch vụ; cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản; cấp nước cho sản xuất công nghiệp; cấp nước cho thủy điện, du lịch; giao thông thủy; tạo cảnh quan, môi trường; bảo

vệ, bảo tồn hệ sinh thái thủy sinh, đa dạng sinh học; trữ, tiêu thoát lũ, tiêu thoát nước. Chức năng nguồn nước được xác định trên cơ sở đặc điểm phân bố của nguồn nước, hiện trạng, mục tiêu sử dụng nước và quy hoạch, kế hoạch về phát triển kinh tế - xã hội. Chức năng nguồn nước được xác định theo từng thời kỳ (đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050); định kỳ thực hiện rà soát, điều chỉnh chức năng nguồn nước để phù hợp với tình hình thực tế của từng nguồn nước và nhu cầu sử dụng nguồn nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Chức năng cơ bản của từng nguồn nước, đoạn sông, kênh chính trong vùng quy hoạch được quy định tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này;

Nguồn nước dưới đất trong vùng quy hoạch có chức năng cơ bản sau đây: cấp nước cho sinh hoạt, kinh doanh, dịch vụ; cấp nước cho sản xuất công nghiệp; cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản.

Trong trường hợp thực hiện các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, các nguồn nước chưa quy định chức năng hoặc điều chỉnh chức năng của nguồn nước, căn cứ vào điều kiện thực tế, đặc điểm nguồn nước, cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này.

b) Các nguồn nước nội tỉnh trong vùng quy hoạch, khi quy định chức năng nguồn nước phải bảo đảm tính hệ thống và không làm ảnh hưởng đến chức năng nguồn nước theo quy định tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này;

c) Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nước hoặc có các hoạt động khác không làm ảnh hưởng đến chức năng nguồn nước; xả nước thải vào nguồn nước phải phù hợp chức năng nguồn nước theo quy định tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này và các quy định có liên quan.

2. Quản lý, điều hòa, phân phối nguồn nước góp phần bảo đảm an ninh nguồn nước cho các mục đích khai thác, sử dụng và các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong vùng quy hoạch, cụ thể như sau:

a) Quản lý, điều hòa, phân phối nguồn nước mặt, nước dưới đất có thể khai thác, sử dụng trong điều kiện bình thường trên vùng quy hoạch từ 36.088 triệu m³ (ứng với tần suất 85%) đến khoảng 46.134 triệu m³ (ứng với tần suất 50%), chi tiết quy định tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này, góp phần bảo đảm an ninh nguồn nước đáp ứng nhu cầu khai thác, sử dụng nước đến năm 2030 khoảng 12.169 triệu m³ trên phạm vi vùng quy hoạch, chi tiết quy định tại Phụ lục IV kèm theo Quyết định này. Lượng nước phân phối cho các đối tượng khai thác, sử dụng thực hiện theo quy định tại Phụ lục IV kèm theo Quyết định này;

Trong điều kiện bình thường, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân tỉnh) chủ động điều hòa, phân phối tài nguyên nước bảo đảm phù hợp với quy trình vận hành liên hồ chứa đã được cấp có thẩm quyền ban hành, phù hợp với kế hoạch chi tiết điều

hòa, phân phối, khai thác, sử dụng nước cho các khu vực sử dụng nước mang lại hiệu quả kinh tế cao (đối với tiểu vùng hạ lưu sông Đồng Nai) và tiểu vùng phụ cận ven biển (Ninh Thuận và Bình Thuận), kế hoạch chi tiết điều hòa, phân phối, khai thác, sử dụng nước và phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra (đối với tiểu vùng sông Sài Gòn - thượng Vàm Cỏ) và phù hợp với các quy định pháp luật về tài nguyên nước.

b) Hằng năm, Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân tỉnh có liên quan xây dựng, công bố kích bản nguồn nước (cả năm và cập nhật vào đầu mùa cạn) trên cơ sở hiện trạng và dự báo xu thế diễn biến lượng mưa, xu thế diễn biến nguồn nước mặt, nước dưới đất, lượng nước tích trữ tại các hồ chứa theo các thời kỳ trong năm. Các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân tỉnh có liên quan chủ động chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện việc khai thác, sử dụng nước phù hợp, bảo đảm ưu tiên nước cho sinh hoạt, các hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả và hài hòa lợi ích giữa các tiểu vùng quy hoạch;

Trường hợp dự báo có xảy ra hạn hán, thiếu nước, Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân tỉnh có liên quan xây dựng phương án điều hoà, phân phối tài nguyên nước.

c) Trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu nước, căn cứ kích bản nguồn nước, tình huống khẩn cấp về thiên tai, lượng nước tích trữ đầu mùa cạn, hàng tháng của các hồ chứa (theo Phụ lục V kèm theo Quyết định này), nguồn nước dự phòng và hạn ngạch khai thác, sử dụng nước, kế hoạch sử dụng nước của các ngành có liên quan trên các tiểu vùng quy hoạch, Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân tỉnh có liên quan quyết định phương án điều hoà, phân phối tài nguyên nước bảo đảm đúng quy định. Ủy ban nhân dân tỉnh trong vùng quy hoạch tổ chức thực hiện việc điều hoà, phân phối nguồn nước hiện có trên địa bàn bảo đảm hài hòa, hiệu quả lượng nguồn nước giữa các tháng trong mùa cạn như sau:

- Trường hợp dự báo lượng nước đến giảm và lượng nước trữ hiện có đạt từ 50% đến 85% (thiếu nước) so với điều kiện bình thường (hoặc trung bình nhiều năm), phân phối lượng nước ưu tiên cấp đủ nước cho sinh hoạt, ngành sản xuất có giá trị kinh tế cao tiêu tốn ít nước, hoạt động sản xuất nông nghiệp và bảo đảm nước cho an ninh năng lượng nếu có yêu cầu;

- Trường hợp dự báo lượng nước đến giảm và lượng nước trữ hiện có đạt dưới 50% (thiếu nước nghiêm trọng), ưu tiên cấp đủ nước cho sinh hoạt và đảm bảo nước cho an ninh năng lượng nếu có yêu cầu, xem xét giảm lượng nước tưới cho nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và các ngành sử dụng nước khác có tiêu tốn nhiều nước, chưa cấp thiết.

3. Quản lý khai thác, sử dụng nguồn nước mặt bảo đảm dòng chảy tối thiểu trên sông

Việc khai thác, sử dụng nguồn nước trên sông, suối, kênh, rạch phải bảo đảm giá trị dòng chảy tối thiểu đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố quy định tại Phụ lục VI kèm theo Quyết định này. Trong trường hợp thực hiện hoạt động phát triển kinh tế - xã hội đòi hỏi phải điều chỉnh giá trị dòng chảy tối thiểu, căn cứ vào điều kiện thực tế, đặc điểm nguồn nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định theo đúng quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

4. Các công trình khai thác, sử dụng nước trên sông, đoạn sông, kênh, rạch (trừ hồ chứa, đập dâng) và tầng chứa nước bảo đảm không vượt quá lượng nước có thể khai thác và ngưỡng giới hạn khai thác quy định tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này. Trong kỳ quy hoạch này, ngoại trừ các công trình chuyển nước hiện có hoặc đã có trong các quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hạn chế việc chuyển nước ra khỏi lưu vực sông Đồng Nai. Trường hợp cần thiết phải thực hiện chuyển nước hoặc bổ sung công trình điều tiết, khai thác sử dụng nước thì căn cứ vào kết quả đánh giá chi tiết về các tác động đến kinh tế, xã hội, môi trường của lưu vực sông chuyển nước và lưu vực sông nhận nước, Bộ Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương có liên quan thực hiện thẩm định, quyết định việc chuyển nước theo đúng quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

5. Nguồn nước dự phòng cấp cho sinh hoạt tại các khu vực có nguy cơ ô nhiễm nguồn nước

Trường hợp xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước tại khu vực do các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội hoặc nguyên nhân khác, thì sử dụng nguồn nước dự phòng cấp cho sinh hoạt quy định tại Phụ lục VII kèm theo Quyết định này.

6. Công trình đập, hồ chứa, công trình điều tiết, tích trữ nước, phát triển nguồn nước

a) Các công trình đập, hồ chứa, công trình điều tiết, tích trữ nước, phát triển nguồn nước trong Quy hoạch này, gồm: các hồ chứa thủy lợi có dung tích từ 3 triệu m³ trở lên, các công trình điều tiết nước, trạm bơm có lưu lượng từ 2,0 m³/giây trở lên, các công trình thủy điện từ 2MW trở lên, các công trình khai thác nước mặt khác cho mục đích sinh hoạt, sản xuất phi nông nghiệp và kinh doanh, dịch vụ có lưu lượng từ 50.000 m³/ngày đêm trở lên, các công trình khai thác nước dưới đất từ 3.000 m³/ngày đêm trở lên; các công trình điều tiết, khai thác, sử dụng nước, tích, trữ nước, phát triển tài nguyên nước có quy mô như trên đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong các quy hoạch có khai thác, sử dụng nước hoặc đã xây dựng, vận hành trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành; các hồ, ao, đầm, phá không được san lấp được công bố theo quy định. Chi tiết được quy định tại Phụ lục VIII của Quyết định này;

Trường hợp điều chỉnh, bổ sung, đưa ra khỏi danh mục công trình đập, hồ chứa, công trình điều tiết, tích trữ nước, phát triển nguồn nước, căn cứ vào điều kiện thực tế nguồn nước, các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội cụ thể, cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định điều chỉnh cục bộ theo quy định.

b) Nâng cao khả năng tích, trữ nước, tham gia điều tiết nguồn nước, góp phần kiểm soát lũ, cung cấp nước sinh hoạt, sản xuất cho hạ lưu, chuyển nước cho vùng Ninh Thuận, Bình Thuận của các công trình thủy lợi, thủy điện và các công trình khai thác nước dưới đất hiện có với quy mô quy định tại điểm a khoản này bảo đảm yêu cầu về thiết kế được phê duyệt, nhất là việc điều tiết nước của hồ Trị An cho sinh hoạt, sản xuất đối với tiểu vùng hạ lưu sông Đồng Nai, hồ Dầu Tiếng đối với tiểu vùng sông Sài Gòn - thượng Vàm Cỏ và việc chuyển nước của hồ Đơn Dương cho tỉnh Ninh Thuận, hồ Đại Ninh cho tỉnh Bình Thuận;

c) Trong kỳ quy hoạch, ngoài các công trình đập, hồ chứa, công trình điều tiết, tích trữ nước, phát triển nguồn nước hiện có được quy định tại Phụ lục VIII kèm theo Quyết định này và các công trình đã được quy hoạch, cần tiếp tục nghiên cứu bổ sung các công trình khai thác, sử dụng nước đa mục tiêu với tổng dung tích điều tiết khoảng 460 triệu m³ trở lên, trong đó: tiểu vùng thượng lưu sông Đồng Nai với tổng dung tích khoảng 60 triệu m³ trở lên; tiểu vùng sông Sài Gòn - thượng Vàm Cỏ với tổng dung tích khoảng 310 triệu m³ trở lên; và tiểu vùng sông Bé với tổng dung tích khoảng 90 triệu m³ trở lên, nhằm bảo đảm an ninh nguồn nước trong kỳ quy hoạch.

7. Bảo vệ tài nguyên nước

Việc khai thác, sử dụng nước phải gắn với bảo vệ tài nguyên nước, bảo vệ nguồn sinh thủy, bảo đảm lưu thông dòng chảy; bảo vệ các hồ, ao, sông, suối, kênh, rạch có chức năng điều hòa, cấp nước, phòng, chống ngập úng, bảo tồn phát triển du lịch và có giá trị đa dạng sinh học phù hợp với chức năng nguồn nước trong kỳ quy hoạch, như sau:

a) Quản lý chặt chẽ diện tích rừng hiện có thuộc các địa phương trên vùng quy hoạch. Duy trì, bảo vệ, phát triển tỷ lệ che phủ rừng góp phần bảo vệ nguồn sinh thủy, nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính;

b) Quản lý không gian tiêu thoát nước, bảo đảm lưu thông dòng chảy trên các sông, suối theo quy định. Các dự án kè bờ, gia cố bờ sông, san, lấp, lấn sông, cải tạo cảnh quan các vùng đất ven sông phải bảo đảm các yêu cầu quy định về bảo vệ hành lang nguồn nước và quy định về quản lý lòng, bờ, bãi sông;

c) Quản lý các hồ, ao thuộc danh mục các hồ, ao không được san lấp, lấn chiếm theo quy định, bổ sung các hồ, ao có chức năng tích trữ, điều hòa nước để dự phòng cấp nước, phòng, chống ngập, úng cục bộ phù hợp với từng khu vực, đồng thời tạo nguồn cung cấp thấm bổ cập cho nước dưới đất; dự án công trình xây dựng phải bảo đảm không vượt quá mật độ xây dựng theo quy định;

d) Các tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra, đánh giá, thăm dò, khai thác nước dưới đất, khảo sát địa chất, xử lý nền móng phải đảm bảo các quy định về bảo vệ nước dưới đất, kế hoạch bảo vệ nước dưới đất, trám lấp giếng khi không còn sử dụng và các quy định khác có liên quan;

đ) Nước thải sinh hoạt tại các khu đô thị, khu dân cư tập trung, nước thải của các cơ sở sản xuất có hoạt động xả nước thải phải có biện pháp và lộ trình thu gom, xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định, xả nước thải vào nguồn nước bảo đảm phù hợp với chức năng nguồn nước được quy định tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này và kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt;

e) Các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội tại các khu du lịch, khu bảo tồn, di sản thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, dự trữ thiên nhiên, vườn quốc gia đã được cấp có thẩm quyền công nhận, ngoài việc bảo đảm các quy định pháp luật về tài nguyên nước còn phải bảo đảm các quy định pháp luật về bảo tồn đa dạng sinh học có liên quan đến nước và pháp luật khác có liên quan, nhất là khu dự trữ sinh quyển Đồng Nai, vườn quốc gia Cát Tiên và khu dự trữ sinh quyển ngập mặn Cần Giờ.

8. Phòng, chống sạt, lở lòng, bờ, bãi sông, hồ

a) Thực hiện điều tra, đánh giá, giám sát diễn biến dòng chảy, các biện pháp bảo vệ, phòng, chống sạt, lở lòng, bờ, bãi sông theo quy định; đo đạc, cập nhật mặt cắt ngang, dọc sông cần giám sát; nghiên cứu sự biến đổi dòng chảy, lòng dẫn và các tác động đến sự ổn định của lòng, bờ, bãi sông;

b) Quản lý các hoạt động cải tạo lòng, bờ, bãi sông, xây dựng công trình thủy, khai thác cát, sỏi và các khoáng sản khác trên sông, hồ, hành lang bảo vệ nguồn nước không được gây sạt, lở, ảnh hưởng xấu đến dòng chảy, sự ổn định của lòng, bờ, bãi sông, hồ, chức năng của hành lang bảo vệ nguồn nước, bảo đảm hoạt động giao thông thủy trên các tuyến đường thủy nội địa phù hợp với điều kiện nguồn nước. Các khu vực khai thác cát, sỏi lòng sông ở các đoạn sông có điều kiện địa hình, địa chất kém ổn định phải cách mép bờ khoảng cách an toàn tối thiểu phù hợp với chiều rộng tự nhiên của lòng sông theo quy định;

c) Quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định, các hoạt động xây dựng khu đô thị, khu công nghiệp, công trình giao thông, khu dân cư ven sông và các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội khác bảo đảm không gây cản trở dòng chảy, không gây ngập úng nhân tạo, đảm bảo khả năng tiêu thoát nước, không phát sinh nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước, sạt, lở lòng, bờ, bãi sông, hồ và phải đánh giá tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh theo thẩm quyền xem xét, thẩm định theo quy định. Không bố trí dân cư ở ven các đoạn sông bị sạt, lở hoặc có nguy cơ sạt, lở.

9. Phòng, chống ngập lụt, sụt, lún mặt đất và xâm nhập mặn nước dưới đất

a) Việc xây dựng và phát triển các khu dân cư, hạ tầng về giao thông, thủy lợi, đê bao, cống kiểm soát triều, hệ thống tiêu thoát nước và các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội khác phải bảo đảm các yêu cầu về tiêu, thoát lũ, phòng, chống ngập, lụt, hành lang bảo vệ đê, bảo vệ nguồn nước theo quy định và phù hợp với các quy hoạch về thoát nước, chống ngập ứng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhất là việc xây dựng và phát triển hạ tầng chống ngập lụt cho khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Biên Hòa, thành phố Thuận An, thành phố Thủ Dầu Một và đảm bảo an toàn trong hành lang tiêu thoát lũ tại hạ du các hồ chứa Đơn Dương, Dầu Tiếng và Thác Mơ;

b) Việc khai thác nước dưới đất phải bảo đảm không vượt quá ngưỡng khai thác nước dưới đất theo quy định; khai thác nước lợ, nước mặn để sử dụng cho sản xuất, nuôi trồng thủy sản không được gây nhiễm mặn các nguồn nước và làm ảnh hưởng xấu đến sản xuất nông nghiệp;

c) Quản lý việc xây dựng các công trình khai thác nước dưới đất bảo đảm không phát sinh công trình mới trong phạm vi 01 km kể từ biên mặn tại các khu vực giáp ranh với ranh giới mặn tầng chứa nước. Đối với các công trình hiện có nằm trong khu vực giáp ranh này phải có lộ trình giảm lưu lượng khai thác. Việc khai thác nước dưới đất khu vực giáp ranh với ranh giới mặn tầng chứa nước phải được giám sát chặt chẽ;

d) Quản lý chặt chẽ các hoạt động khoan nước dưới đất, khoan thăm dò địa chất, thăm dò khoáng sản, khai thác khoáng sản, thăm dò khai thác dầu khí, xây dựng công trình ngầm và các hoạt động khoan, đào khác;

đ) Việc quản lý, vận hành các cống ngăn mặn, giữ ngọt và các hồ chứa nước, công trình điều tiết dòng chảy phải tuân theo quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật bảo đảm phòng, chống xâm nhập mặn nước mặt, nước dưới đất.

10. Kiểm soát, nâng cao hiệu quả các công trình chuyển nước lưu vực sông hiện có trong vùng quy hoạch (từ hồ Đơn Dương sang tỉnh Ninh Thuận; từ hồ Đại Ninh sang tỉnh Bình Thuận; từ hồ Phước Hòa sang hồ Dầu Tiếng; từ hồ Dầu Tiếng sang tỉnh Long An), nhằm đảm bảo giảm thiểu tối đa tác động tiêu cực đến hạ du lưu vực chuyển nước, tăng cường hiệu quả sử dụng nước, đảm bảo công bằng hợp lý đối với các lưu vực nhận nước và phù hợp với khả năng thực tế của nguồn nước, nhu cầu khai thác, sử dụng nước và Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Đồng Nai.

11. Giám sát tài nguyên nước và khai thác, sử dụng nước

a) Giám sát các công trình khai thác, sử dụng nước theo hình thức trực tuyến, định kỳ theo quy định;

b) Tổ chức triển khai quan trắc, giám sát chất lượng môi trường nước mặt theo quy định pháp luật về môi trường, trong đó ưu tiên đối với các nguồn nước đã được quy định chức năng nguồn nước quy định tại Quyết định này;

c) Xây dựng và duy trì mạng quan trắc tài nguyên nước theo Quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Tiếp tục thực hiện giải pháp về pháp luật, chính sách đã được đề ra theo Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, nghiên cứu, bổ sung các chính sách đặc thù (nếu có) đối với vùng quy hoạch này.

2. Điều hòa, phân phối, phát triển, bảo vệ tài nguyên nước, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, tái sử dụng nước góp phần bảo đảm an ninh nguồn nước

a) Xây dựng, vận hành hệ thống thông tin, mô hình số, hệ thống công cụ hỗ trợ ra quyết định; xây dựng, công bố kịch bản nguồn nước; ưu tiên lập kế hoạch chi tiết điều hòa, phân phối, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước tại các vùng thường xuyên xảy ra thiếu nước;

b) Xây dựng, hoàn thiện hệ thống quan trắc khí tượng, thủy văn, tài nguyên nước trên lưu vực sông Đồng Nai. Đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đảm bảo công tác quản lý và vận hành hệ thống đồng bộ, hiệu quả;

c) Kiểm soát các hoạt động khai thác, sử dụng nước trên lưu vực sông Đồng Nai thông qua việc kết nối, truyền thông tin, dữ liệu về hệ thống giám sát khai thác, sử dụng nước theo quy định;

d) Bổ sung, xây dựng mới công trình tích trữ, điều hòa nước, công trình bổ sung nhân tạo nước dưới đất, điều tiết, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước bảo đảm đa mục tiêu, kết hợp hoặc luân phiên khai thác, sử dụng nguồn nước mặt, nước dưới đất, nước mưa, tăng cường việc trữ nước mưa phù hợp với Quy hoạch này và các quy hoạch chuyên ngành khác có liên quan, ưu tiên đối với khu vực thường xuyên xảy ra hạn hán, thiếu nước;

đ) Nâng cao khả năng tích trữ, năng lực điều tiết đối với các ao, hồ chứa nước hiện có, nhất là các hồ chứa lớn (Đơn Dương, Đại Ninh, Đồng Nai 2, Đồng Nai 3, Đồng Nai 4, Đăk R'Tih (bậc trên), Trị An, Thác Mơ, Cần Đơn, Dầu Tiếng, Phước Hòa, Hàm Thuận) trên nguyên tắc bảo đảm an toàn, góp phần kiểm soát lũ cho hạ du; bổ sung, xây dựng mới công trình đập, hồ chứa, công trình điều tiết, tích trữ nước, phát triển nguồn nước đa mục tiêu, bảo đảm cấp nước trong trường hợp xảy ra thiếu nước và phù hợp với quy trình vận hành liên hồ chứa;

e) Xây dựng kế hoạch sử dụng nước cho tiểu vùng hạ lưu sông Đồng Nai và tiểu vùng phụ cận ven biển (Ninh Thuận và Bình Thuận); kế hoạch sử dụng nước và phòng, chống, khắc phục tác hại do nước gây ra cho tiểu vùng sông Sài Gòn - thượng Vàm Cỏ làm căn cứ xây dựng kế hoạch chi tiết điều hòa, phân phối, khai thác, sử dụng nước và phòng, chống, khắc phục tác hại do nước gây ra;

g) Rà soát, điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa, liên hồ chứa trên các sông, suối thuộc vùng quy hoạch, hướng tới việc vận hành các hồ chứa theo thời gian thực, nhằm tối ưu hóa việc điều tiết nguồn nước cho các mục đích sử dụng;

h) Rà soát, điều chỉnh quy trình vận hành hệ thống thủy lợi bảo đảm tạo dòng chảy liên tục nhằm cải tạo môi trường nước phù hợp tình hình thực tế;

i) Xây dựng kế hoạch, lộ trình đầu tư xây dựng công trình cấp nước dự phòng trong trường hợp xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn;

k) Rà soát, bổ sung quy định về quản lý hồ, ao không được san lấp, lấn chiếm;

l) Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn, từng bước phục hồi rừng phòng hộ đầu nguồn bị suy thoái;

m) Xây dựng, tổ chức thực hiện: kế hoạch bảo vệ chất lượng môi trường nước mặt, kế hoạch bảo vệ nước dưới đất, cải tạo phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm, nhất là tại các khu bảo tồn và vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên; kế hoạch chi tiết điều hòa, phân phối, khai thác, sử dụng nước cho các khu vực sử dụng nước mang lại hiệu quả kinh tế cao (tiểu vùng hạ lưu sông Đồng Nai) và tiểu vùng phụ cận ven biển (Ninh Thuận và Bình Thuận); kế hoạch chi tiết điều hòa, phân phối, khai thác, sử dụng nước và phòng, chống, khắc phục tác hại do nước gây ra (tiểu vùng sông Sài Gòn - thượng Vàm Cỏ);

n) Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước liên quốc gia, liên tỉnh, ưu tiên các sông chảy qua khu đô thị, khu dân cư tập trung trên lưu vực sông Đồng Nai;

o) Lập hành lang bảo vệ nguồn nước và tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ, phòng, chống sạt, lở lòng, bờ, bãi sông, hành lang bảo vệ nguồn nước liên tỉnh trên lưu vực sông Đồng Nai theo quy định, ưu tiên đối với các sông có mức độ sạt lở nguy hiểm như các sông Đồng Nai, La Ngà, Sài Gòn;

p) Tổ chức điều tra, đánh giá, quan trắc, giám sát diễn biến dòng chảy, bồi lắng, sạt, lở lòng, bờ, bãi sông trên các sông liên tỉnh. Đo đạc, cập nhật các mặt cắt ngang, dọc sông, nghiên cứu sự biến đổi lòng dẫn, quy luật tự nhiên tác động đến sự ổn định của lòng, bờ, bãi sông;

q) Khoanh định, quản lý vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và trám lấp các lỗ khoan thăm dò, khai thác không sử dụng theo quy định;

r) Xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập, hồ chứa để ứng phó, phòng, chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra;

s) Chuyển đổi sản xuất, áp dụng các mô hình tưới tiết kiệm, nhất là tại các khu vực thường xuyên xảy ra hạn hán, thiếu nước. Cân đối, điều chỉnh lưu lượng khai thác hợp lý phù hợp với điều kiện thực tế ở các khu vực khan hiếm nước, khu vực hạ thấp quá mức mực nước trên sông và tầng chứa nước;

t) Tăng cường thu gom, xử lý nước thải đô thị;

u) Điều tra, khảo sát xác lập các khu vực trữ, khu vực thường xuyên bị ngập để xây dựng hồ chứa, trữ nước tăng khả năng trữ, tiêu thoát nước mưa, nước từ thượng nguồn khi triều dâng để giảm ngập cho các đô thị, nhất là khu vực Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Phòng, chống, khắc phục hậu quả, tác hại do nước gây ra

a) Nghiên cứu, thực hiện các giải pháp xử lý tình trạng sạt lở trên dòng chính sông Đồng Nai thuộc địa bàn các tỉnh Bình Phước, Bình Dương, Lâm Đồng, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu và Thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu các biện pháp công trình phòng, chống sạt lở tại các khu vực đô thị, khu vực dân cư tập trung, gồm: thành phố Đồng Xoài - tỉnh Bình Phước; huyện Bắc Tân Uyên và thành phố Tân Uyên - tỉnh Bình Dương; Quận 12, quận Bình Thạnh, huyện Cần Giờ, huyện Củ Chi - Thành phố Hồ Chí Minh,...;

b) Lập bản đồ phân vùng lún bề mặt đất, xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống quan trắc, giám sát diễn biến lún tại một số khu vực có nguy cơ sụt lún bề mặt đất, mức độ lún cao, đánh giá xác định nguyên nhân sụt lún bề mặt đất làm cơ sở để các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện các giải pháp ứng phó phù hợp như ở khu vực Thành phố Hồ Chí Minh; lập bản đồ ngập lụt cho toàn lưu vực trên cơ sở ứng dụng công nghệ, kỹ thuật hiện đại;

c) Xác lập cơ chế phối hợp liên ngành, liên vùng trong việc phòng, chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên cơ sở xây dựng các bản đồ về nguy cơ sạt lở bờ sông, sụt lún bề mặt đất, xâm nhập mặn các tầng chứa nước do khai thác nước dưới đất quá mức.

4. Khoa học, công nghệ và hợp tác quốc tế

a) Ứng dụng khoa học, kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, hiện đại, thông minh để phục vụ quan trắc, dự báo, cảnh báo, giám sát, sử dụng nước tuần hoàn, tiết kiệm và tái sử dụng nước, quản lý, bảo vệ nguồn nước, phát triển nguồn nước, liên kết nguồn nước;

b) Tăng cường hợp tác quốc tế trong việc trao đổi, cung cấp thông tin, nghiên cứu chuyển giao khoa học về nguồn nước, công nghệ sử dụng nước tuần hoàn, tiết kiệm, tái sử dụng nước;

c) Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, tổ chức xây dựng, vận hành mạng quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng, đầu tư đồng bộ các giải pháp hạ tầng kỹ thuật đảm bảo đáp ứng các yêu cầu vận hành liên hồ chứa nhằm điều tiết, vận hành hồ chứa theo thời gian thực, khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên nước.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường

a) Tổ chức công bố Quy hoạch, phối hợp với các cơ quan, địa phương liên quan triển khai tuyên truyền các nội dung trọng tâm của Quy hoạch;

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương liên quan tổ chức thực hiện Quy hoạch theo chức năng quản lý nhà nước được giao; kiểm tra, giám sát việc thực hiện; định kỳ đánh giá tình hình thực hiện và rà soát, điều chỉnh Quy hoạch theo quy định;

c) Chủ trì phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh có liên quan chỉ đạo, tổ chức thực hiện theo thẩm quyền và quy định việc: công bố kịch bản nguồn nước; xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin, mô hình số, công cụ hỗ trợ ra quyết định bảo đảm kết nối thông tin, dữ liệu, thực hiện điều hòa, phân phối, giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước; phê duyệt kế hoạch chi tiết điều hòa, phân phối, khai thác, sử dụng nước đối với tiểu vùng hạ lưu sông Đồng Nai, tiểu vùng phụ cận ven biển (Ninh Thuận và Bình Thuận) và kế hoạch chi tiết điều hòa, phân phối, khai thác, sử dụng nước và phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra đối với tiểu vùng sông Sài Gòn - thượng Vàm Cỏ; đo đạc, quan trắc dòng chảy, chất lượng nước các sông liên tỉnh; thẩm định phương án điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung quy trình vận hành liên hồ chứa trên cơ sở đề xuất của các bộ, cơ quan ngang bộ, các địa phương, tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành hồ chứa; lập bản đồ phân vùng lún mặt đất, sạt lở bờ sông tại các khu vực có hiện tượng lún bề mặt đất và sạt lở bờ sông phức tạp; điều tra, khảo sát xác lập các khu vực trũng, vùng ngập để xây dựng hồ chứa, trữ nước tăng khả năng tiêu thoát nước mưa, lũ từ thượng nguồn, tác động của triều cường để giảm ngập cho các đô thị, nhất là khu vực Thành phố Hồ Chí Minh;

d) Quản lý hoạt động khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước theo thẩm quyền, phù hợp chức năng nguồn nước và dòng chảy tối thiểu theo quy định tại Quyết định này. Thanh tra, kiểm tra việc khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước bảo đảm chức năng nguồn nước, bảo đảm dòng chảy tối thiểu và các nội dung khác của Quy hoạch;

đ) Rà soát, đề xuất điều chỉnh, bổ sung danh mục đập, hồ chứa trên lưu vực sông Đồng Nai phải xây dựng quy trình vận hành liên hồ chứa trong trường hợp cần thiết;

e) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh trong vùng quy hoạch xây dựng phương án cải tạo, phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, ô nhiễm nghiêm trọng;

g) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương có liên quan kịp thời tổng hợp báo cáo, đề xuất tháo gỡ vướng mắc bất hợp lý trên thực tế (nếu có); trên cơ sở đề xuất của các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương có liên quan, kịp thời quyết định điều chỉnh cục bộ nội dung phân vùng chức năng nguồn nước, bổ sung, điều chỉnh hoặc đưa ra khỏi quy hoạch các công trình khai thác, sử dụng, điều tiết, tích, trữ nước, phát triển nguồn nước mà không làm thay đổi cơ bản nội dung chính của quy hoạch nhằm bảo đảm phù hợp điều kiện nguồn nước, đáp ứng nhu cầu khai thác, sử dụng nguồn nước phục vụ phát triển kinh tế, xã hội và theo đúng quy định.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Rà soát, điều chỉnh hoặc đề xuất cấp thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thủy lợi và các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch và phù hợp với Quy hoạch này;

b) Chỉ đạo, đôn đốc, tổ chức thực hiện Quy hoạch này theo chức năng quản lý nhà nước được giao; chỉ đạo triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn và nâng cao khả năng trữ nước theo thiết kế của các hồ chứa thủy lợi; bảo vệ, phát triển, khôi phục rừng phòng hộ đầu nguồn trên lưu vực;

c) Chỉ đạo thực hiện các biện pháp phòng, chống tác hại của nước do thiên tai gây ra và phòng, chống sạt, lở lòng, bờ, bãi sông theo quy định pháp luật về đê điều và phòng, chống thiên tai, thủy lợi và vận hành hệ thống thủy lợi tránh gây ô nhiễm, tù đọng làm suy giảm chất lượng nước mặt trong hệ thống thủy lợi thuộc phạm vi quản lý theo quy định;

d) Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ trong quản lý, vận hành công trình thủy lợi, công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước. Điều chỉnh, chuyển đổi mùa vụ, cơ cấu cây trồng phù hợp để sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả;

đ) Chỉ đạo các đối tượng khai thác, sử dụng nước thuộc phạm vi quản lý thực hiện các phương án điều hòa, phân phối tài nguyên nước trên lưu vực sông theo quy định;

e) Chỉ đạo cung cấp các thông tin số liệu liên quan đến quan trắc số lượng nước, chất lượng nước, vận hành các công trình phòng chống thiên tai và thủy lợi thuộc phạm vi quản lý theo yêu cầu của Bộ Tài nguyên và Môi trường để quản lý, giám sát việc thực hiện Quy hoạch này;

g) Nâng cao năng lực, sử dụng hiệu quả công trình hiện có, tăng hiệu suất sử dụng nước, giảm thiệt hại về thiên tai do nước gây ra thuộc phạm vi quản lý. Hoàn thành sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa bị hư hỏng, xuống cấp, thiếu năng lực tích, trữ nước, chống lũ. Đầu tư, sửa chữa, nâng cấp công trình đầu mối, hệ thống kênh, mương thủy lợi, công trình trữ nước phân tán hiện có gắn với xây dựng nông thôn mới đáp ứng yêu cầu phục vụ đa mục tiêu và hiệu quả;

h) Phối hợp với Bộ Tài chính rà soát, xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích xây dựng các loại hình trữ nước tại chỗ, cấp nước nhỏ lẻ phục vụ sinh hoạt trên cơ sở khả năng nguồn nước và lượng nước được phân phối ở quy mô thôn, ấp, xã, huyện, tiểu vùng, vùng, đặc biệt cho vùng thường xuyên xảy ra hạn hán, thiếu nước và xâm nhập mặn, bảo đảm theo quy định;

i) Xây dựng, trình ban hành quy định về quản lý nước sạch nông thôn và các văn bản hướng dẫn thực hiện tạo môi trường pháp lý thúc đẩy quá trình xã hội hóa nhằm nâng cao hiệu quả cấp nước sinh hoạt nông thôn, rà soát bổ sung đơn vị cấp nước sạch cho mục đích bảo đảm an sinh xã hội, bảo đảm công bằng;

k) Tổ chức điều tra về khai thác, sử dụng tài nguyên nước thuộc phạm vi quản lý, tổng hợp, gửi kết quả về Bộ Tài nguyên và Môi trường để cập nhật, đồng thời xây dựng cơ sở dữ liệu về kết quả điều tra và tích hợp, chia sẻ cho Bộ Tài nguyên và Môi trường và các địa phương theo quy định;

l) Nghiên cứu hoàn thiện chính sách dịch vụ môi trường rừng, bảo vệ, phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn phù hợp với thực tế quản lý. Xác định hiệu quả rừng phòng hộ đầu nguồn trong việc bảo vệ nguồn nước, bảo vệ đất, chống xói mòn, sạt lở, lũ quét, lũ ống, chống sa mạc hóa, hạn chế thiên tai, điều hòa khí hậu, kết hợp du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và cung ứng dịch vụ môi trường rừng;

m) Rà soát, điều chỉnh quy trình vận hành công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý bảo đảm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, đa mục tiêu, chống thất thoát, lãng phí nước và bảo đảm lưu thông dòng chảy trong hệ thống công trình, không gây ứ đọng, ô nhiễm nguồn nước.

3. Bộ Xây dựng

a) Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cấp nước, thoát nước đô thị trên lưu vực phù hợp với Quy hoạch này; chỉ đạo xây dựng và thực hiện các giải pháp sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, giảm thiểu tỷ lệ thất thoát nước trong các hệ thống cấp nước đô thị theo thẩm quyền;

b) Tổ chức điều tra về khai thác, sử dụng tài nguyên nước thuộc phạm vi quản lý, tổng hợp, gửi kết quả về Bộ Tài nguyên và Môi trường để cập nhật, đồng thời xây dựng cơ sở dữ liệu về kết quả điều tra và tích hợp, chia sẻ cho Bộ Tài nguyên và Môi trường và các địa phương theo quy định;

c) Rà soát, bổ sung quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với công trình xây dựng, hạ tầng xây dựng bảo đảm việc tích trữ nước mưa, nâng cao năng lực tiêu thoát nước;

d) Hướng dẫn lập phương án cấp nước dự phòng, phòng ngừa, ứng phó sự cố ô nhiễm nguồn nước, thiếu nước và các sự cố khác liên quan đến phạm vi quản lý;

đ) Chỉ đạo các đối tượng khai thác, sử dụng nước thuộc phạm vi quản lý thực hiện việc khai thác, sử dụng nước trên cơ sở kịch bản nguồn nước hằng năm và các phương án điều hòa, phân phối nguồn nước trên lưu vực sông theo quy định.

4. Bộ Giao thông vận tải

a) Tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy phù hợp với Quy hoạch này;

b) Quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa, bảo đảm sự lưu thông của dòng chảy, độ sâu luồng lạch, tăng cường kiểm tra, giám sát các tuyến đường thủy nội địa hiện có trên lưu vực sông Đồng Nai;

c) Tổ chức điều tra về khai thác, sử dụng tài nguyên nước thuộc phạm vi quản lý, tổng hợp, gửi kết quả về Bộ Tài nguyên và Môi trường để cập nhật, đồng thời xây dựng cơ sở dữ liệu về kết quả điều tra và tích hợp, chia sẻ cho Bộ Tài nguyên và Môi trường và các địa phương theo quy định.

5. Bộ Công Thương

a) Tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch có khai thác, sử dụng nước phải xem xét, đánh giá, bảo đảm phù hợp với Quy hoạch này và đảm bảo sử dụng hiệu quả nguồn vốn, sử dụng nước hiệu quả và hài hòa lợi ích giữa các ngành;

b) Tổ chức điều tra về khai thác, sử dụng tài nguyên nước thuộc phạm vi quản lý, tổng hợp, gửi kết quả về Bộ Tài nguyên và Môi trường để cập nhật, đồng thời xây dựng cơ sở dữ liệu về kết quả điều tra và tích hợp, chia sẻ cho Bộ Tài nguyên và Môi trường và các địa phương theo quy định;

c) Chỉ đạo các đối tượng khai thác, sử dụng nước thuộc phạm vi quản lý thực hiện việc khai thác, sử dụng nước trên cơ sở kịch bản nguồn nước hằng năm và các phương án điều hòa, phân phối nguồn nước trên lưu vực sông theo quy định.

6. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổng hợp, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm để thực hiện các chương trình, dự án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về đầu tư công, khả năng cân đối của ngân sách nhà nước để triển khai thực hiện Quy hoạch.

7. Bộ Tài chính trên cơ sở đề xuất của các bộ, cơ quan trung ương và khả năng cân đối của ngân sách nhà nước, tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí chi thường xuyên của ngân sách trung ương cho các bộ, cơ quan trung ương để thực hiện các nhiệm vụ thuộc Quy hoạch.

8. Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Nghiên cứu, xây dựng tiêu chí đánh giá, bản đồ mức độ bảo đảm an ninh nguồn nước cho từng địa phương, từng vùng, tiểu vùng quy hoạch; nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách khuyến khích, thúc đẩy các giải pháp khoa học, công nghệ góp phần bảo đảm an ninh nguồn nước;

b) Nghiên cứu, phát triển, ứng dụng các giải pháp khoa học, công nghệ để chủ động ứng phó với thiên tai liên quan đến nước, tập trung vào các giải pháp khoa học, công nghệ tiên tiến, hiện đại, thông minh phục vụ quan trắc, dự báo, cảnh báo, giám sát. Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại và đề xuất giải pháp để phát triển, tạo nguồn nước mới (bao gồm giải pháp phát triển, bảo vệ rừng tạo nguồn sinh thủy tại chỗ), thu, tích trữ, chuyển nước, liên kết nguồn nước, bổ cập và khai thác nước dưới đất, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, an toàn.

9. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương có liên quan thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước trong hoạt động của lực lượng Công an nhân dân, nhất là đối với các công trình khai thác, sử dụng nước đặc biệt quan trọng.

10. Các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong phạm vi vùng quy hoạch trong việc khai thác, sử dụng, bảo vệ, phòng, chống, khắc phục hậu quả, tác hại do nước gây ra.

11. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong vùng quy hoạch

a) Chỉ đạo cơ quan chức năng tổ chức lập nội dung phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra và đề xuất, bổ sung danh mục công trình khai thác, sử dụng nước, phát triển tài nguyên nước vào quy hoạch tỉnh theo quy định;

b) Chỉ đạo cơ quan chức năng tổ chức đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải, lập, phê duyệt và triển khai thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường các nguồn nước nội tỉnh, khoanh định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, lập hành lang bảo vệ nguồn nước; thu gom, xử lý nước thải đô thị trên địa bàn trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định;

c) Chỉ đạo, tổ chức giám sát diễn biến nguồn nước, quản lý chặt chẽ các hoạt động khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước trên lưu vực sông theo thẩm quyền, phù hợp chức năng nguồn nước, bảo đảm chất lượng nước và dòng chảy tối thiểu theo quy định;

d) Chỉ đạo lập, điều chỉnh quy trình vận hành công trình khai thác, sử dụng nước, ban hành danh mục các hồ, ao không được san lấp trên địa bàn thuộc thẩm quyền phù hợp với Quy hoạch này;

đ) Xây dựng phương án khai thác, sử dụng nguồn nước dự phòng cấp cho sinh hoạt trong trường hợp xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước, hạn hán, thiếu nước. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc sử dụng các nguồn nước hiện có trên địa bàn bao gồm cả lượng nước trữ trong phân dung tích chết các hồ chứa để giải quyết các nhu cầu cấp nước để ứng phó, giảm thiểu thiệt hại trong trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu nước;

e) Tổ chức quản lý chặt chẽ việc khai thác cát, sỏi lòng sông, triển khai các biện pháp bảo vệ, phòng, chống, khắc phục hậu quả, tác hại do nước gây ra theo quy định, đặc biệt là các tuyến sông lớn;

g) Thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước trên phạm vi địa bàn theo phân cấp của Chính phủ và gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp;

h) Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chủ động phân bổ nguồn vốn ngân sách địa phương để thực hiện các nội dung quy hoạch thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách, đảm bảo đúng quy định của pháp luật về đầu tư công và ngân sách nhà nước;

i) Định kỳ hằng năm báo cáo kết quả thực hiện Quy hoạch trên địa bàn, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, tổng hợp;

12. Trách nhiệm của chủ quản lý các công trình khai thác, sử dụng nước trên vùng quy hoạch

a) Thực hiện vận hành các công trình khai thác sử dụng nước theo quy trình vận hành liên hồ chứa, quy trình vận hành hồ chứa và giấy phép khai thác sử dụng nước đã được cấp của công trình.

b) Đối với các hồ chứa Thác Mơ, Đồng Nai 3, Đắc R'Tih (bậc trên), Hàm Thuận, Trị An, Dầu Tiếng, Đơn Dương và Đại Ninh, trong quá trình vận hành hồ trong mùa lũ, ngoài việc đảm bảo an toàn cho hạ du, phải xem xét tích nước để đảm bảo đáp ứng nhu cầu nước trong mùa cạn.

c) Kết nối thông tin về các thông số lưu lượng, mực nước, chất lượng nước vào hệ thống giám sát theo quy định.

Điều 3. Điều khoản thi hành

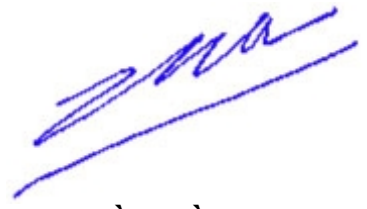
Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Bộ trưởng các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Xây dựng, Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Quốc phòng, Công an, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Đắk Nông, Lâm Đồng, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Ninh Thuận, Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Quốc phòng, Công an, Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố: Đắk Nông, Lâm Đồng, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Ninh Thuận, Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu và Thành phố Hồ Chí Minh;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: CN, KTTH, KGVX;
- Lưu: VT, NN (2b). Tuynh

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trần Hồng Hà